TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 22- 9- 2025
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mộng Lành và bà Trần Thu Trang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2025/QSĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện K1, tỉnh Sóc Trăng. Nay là ấp C, xã K, thành phố C. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Ông Châu Văn Q**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp T, xã T1, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Trước đây ông Nguyễn Ngọc S (gọi tắt là ông S) và ông Châu Văn Q (gọi tắt là ông Q) có quen biết làm ăn chung và đều là cò lúa thường xuyên giới thiệu qua lại với nhau. Vào ngày 20/02/2024 ông Q hỏi vay của ông S số tiền

270.000.000 đồng để trả tiền lúa, việc cho vay không thoả thuận lãi suất nhưng ông Q tự đề nghị trả lãi cho ông Son là 20.000 đồng/1.000.000 đồng/1ngày vì ông Q biết số tiền trên là do ông S đi hỏi vay dùm cho ông Q. Khi nhận tiền vay ông Q có ký giấy nhận nợ và hứa vào ngày 21/02/2024 trả trước 70.000.000 đồng đến ngày 20/3/2024 trả hết số còn lại là 200.000.000 đồng. Từ sau khi nhận tiền vay ông Q không thực hiện trả nợ như thoả thuận và sau nhiều lần đòi nợ nhưng ông Q không trả ông S đã làm đơn yêu cầu ban lãnh đạo ấp Thứ Nhất, xã Tây Yên giải quyết. Tại buổi hoà giải 22/6/2024 của ấp Thứ Nhất, xã Tây Yên ông Qthừa nhận nợ và viết cam kết trả hết nợ cho ông S vào ngày 30/11/2024 nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa ông S tiếp tục yêu cầu ông Q hoàn trả số tiền vay còn nợ là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi tiền vay và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Bị đơn ông Châu Văn Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến hoặc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố.

Chứng cứ thu thập được:

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 Biên bản hoà giải ngày 12/6/2024 của ban lãnh đạo ấp Thứ Nhất; 01 giấy nhận nợ và 01 tờ cam kết lập ngày 22/6/2024.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Thống nhất: Không.

Không thống nhất: Ông S yêu cầu ông Q trả số nợ vay là 270.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, ông Q không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tây Yên, tỉnh An Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7-An Giang và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Ông Q đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với ông Q.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S đều yêu cầu ông Q hoàn trả số tiền vay là 270.000.000 đồng. Nội dung khởi kiện của ông S đã được thể hiện trong các văn bản tố tụng của Toà án trong đó có Thông báo thụ lý vụ án và đã được tống đạt hợp lệ cho ông Q tuy nhiên ông Q không có ý kiến phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện ông S đã cung cấp chứng cứ gồm: Biên bản hoà giải của Ban lãnh đạo ấp Thứ Nhất, xã Tây Yên xác lập ngày 12/6/2024, giấy nhận nợ ngày và Tờ cam kết lập ngày 22/6/2024. Nội dung các chứng cứ đều thể hiện ông Q xác nhận có vay của ông S số tiền 270.000.000 đồng và hứa thời gian trả nợ vào ngày 30/11/2024. Trong các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký xác nhận của ông S và ông Q cùng chữ ký của các thành viên trong tổ hoà giải của ban lãnh đạo ấp Thứ Nhất xã Tây Yên và ông Q không có ý kiến phản đối các chứng cứ này. Từ đó có căn cứ để xác định việc ông Q có vay tiền của ông S là có có cơ sở. Do

ông Q không chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc ông Q có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S số tiền vay là 270.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với tiền lãi theo thoả thuận ông S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ghi nhận ý kiến của ông S không yêu cầu ông Q phải trả tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện trả hết nợ.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông Q phải nộp là: 270.000.000 đồng x 5% = 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông S được hoàn trả số tiền nộp tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.750.000 đồng.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7- An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S.

Buộc ông Châu Văn Q hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với tiền lãi theo thoả thuận ông Nguyễn Ngọc S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Ngọc S không yêu cầu ông Châu Văn Q phải trả tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực hiện trả hết nợ.

2. Về án phí vụ kiện:

Buộc ông Châu Văn Que phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Ngọc S được hoàn trả số tiền án phí đã nộp là 6.750.000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012022 ngày 13/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên. (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – An Giang).

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/9/2025, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm